

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **126/2009/QĐ-TTg**

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số:.....

Ngày.....tháng.....năm .....

Kính chuyển:.....**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định về điều kiện, nguyên tắc, tiêu chí, loại dự án, công trình được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đối với khu kinh tế ven biển và quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ này.

2. Khu kinh tế ven biển được hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương theo quy định tại Quyết định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trong Quy hoạch phát triển các khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

\* c) Có Ban Quản lý khu kinh tế được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ**

1. Vốn ngân sách trung ương được phân bổ để hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu nhằm đảm bảo cho hoạt động và phát triển của khu kinh tế ven biển.

2. Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

a) Chỉ phân bổ vốn cho các dự án, công trình quy định tại Điều 4 Quyết định này mà không có khả năng thu hồi vốn;

b) Các dự án, công trình được phân bổ vốn phải phù hợp với quy hoạch xây dựng khu kinh tế ven biển đã được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản;

c) Việc phân bổ vốn phải tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư; ưu tiên phân bổ cho các dự án, công trình quan trọng, cấp bách và hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

## **Điều 3. Nguyên tắc ưu tiên và tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ**

1. Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các khu kinh tế ven biển được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên sau:

a) Khu kinh tế ven biển có các dự án, công trình đầu tư mang tính động lực và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành và lĩnh vực đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư có tổng mức vốn đầu tư đăng ký từ 20.000 tỷ đồng trở lên;

b) Khu kinh tế ven biển thành lập ở địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

c) Khu kinh tế ven biển đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, các dự án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ các dự án, công trình quy định tại điểm a khoản này.

2. Tiêu chí và cách xác định vốn ngân sách trung ương hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Dự án, công trình được sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ**

1. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trục chính trong khu kinh tế ven biển và hệ thống giao thông kết nối khu kinh tế ven biển với hệ thống giao thông bên ngoài.

2. Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, công trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

3. Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong khu kinh tế ven biển.

4. Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, khu phi thuế quan trong khu kinh tế ven biển (bao gồm hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung).

### **Điều 5. Quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ**

1. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ sử dụng không đúng mục đích sẽ bị thu hồi về ngân sách trung ương.

### **Điều 6. Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ**

1. Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương được phân bổ theo kế hoạch hàng năm.

2. Vốn trái phiếu Chính phủ đối với hệ thống giao thông trực chính, quan trọng.

3. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

### **Điều 7. Quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối vốn đầu tư của ngân sách trung ương, tình hình phát triển các khu kinh tế ven biển, nhu cầu và tình hình triển khai các dự án, công trình của các khu kinh tế ven biển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan dự kiến phương án vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các khu kinh tế ven biển theo quy định tại Quyết định này để tổng hợp trong tổng dự toán chi đầu tư phát triển chung báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban Quản lý khu kinh tế**

1. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quyết định phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho các dự án, công trình của khu kinh tế ven biển ở địa phương theo quy định tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan và đơn vị sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả, phù hợp với quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đối với khu kinh tế ven biển ở địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Cân đối vốn ngân sách địa phương đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu kinh tế ven biển ở địa phương theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Báo cáo tình hình phân bổ, quản lý, sử dụng, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đối với khu kinh tế ven biển; nhu cầu vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư trong năm kế hoạch tiếp theo; kết quả xác định điểm số theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Quyết định này.

2. Quyền hạn, trách nhiệm của Ban Quản lý khu kinh tế: quản lý và sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

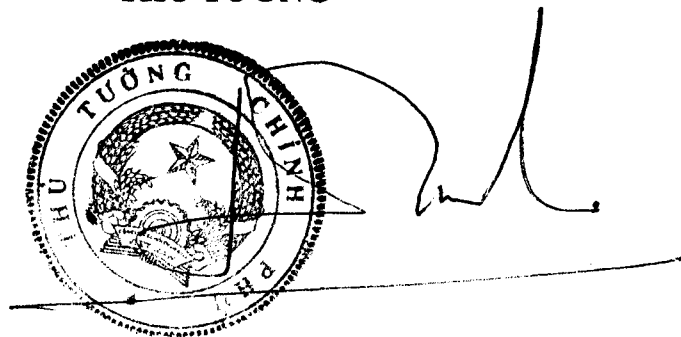
2. Đối với các hạng mục, công trình của khu kinh tế ven biển không thuộc quy định tại Điều 4 Quyết định này nhưng đã được phân bổ và sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). M 290



**Nguyễn Tấn Dũng**



**Phụ lục**

**TIÊU CHÍ VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG  
KHU KINH TẾ VEN BIỂN**

*(Ban hành theo Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg  
ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Các tiêu chí và cách xác định tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ một khu kinh tế ven biển**

**1. Tiêu chí thu hút dự án, công trình đầu tư: A (điểm)**

Tiêu chí này đánh giá mức độ thu hút vốn đầu tư của các dự án, công trình đang thực hiện trong khu kinh tế ven biển dựa trên so sánh với dự án, công trình cơ sở vốn đầu tư 20.000 tỷ đồng tương ứng 15 điểm, được xác định theo công thức sau:

$$A = 15 \times \frac{\text{Tổng số vốn đầu tư của các dự án, công trình đầu tư (tỷ đồng)}}{20.000 \text{ (tỷ đồng)}}$$

Tổng vốn đầu tư của các dự án, công trình đầu tư là tổng vốn đầu tư đăng ký, tính theo đơn vị tỷ đồng, của các dự án, công trình đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư vào thời điểm trước ngày 31 tháng 7 của năm kế hoạch (không bao gồm các dự án, công trình đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành, đã chấm dứt hoạt động, tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện; không triển khai sau 12 tháng kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư hoặc chậm tiến độ quá 12 tháng so với quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư).

**2. Tiêu chí mức độ khó khăn về cân đối ngân sách: B (điểm)**

Tiêu chí này đánh giá mức độ khó khăn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu kinh tế ven biển đã được thành lập có khó khăn về khả năng cân đối ngân sách địa phương, được xác định như sau:

a) Trường hợp tỷ lệ phần trăm vốn đầu tư ngân sách trung ương bổ sung so với tổng chi ngân sách địa phương dưới 40% thì **B = 0** (không);

b) Trường hợp tỷ lệ phần trăm vốn đầu tư ngân sách trung ương bổ sung so với tổng chi ngân sách địa phương từ 40% trở lên thì **B** được tính theo công thức sau :

$$B = 1 + \left[ \frac{\text{Ngân sách trung ương bổ sung (tỷ đồng)}}{\text{Tổng chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)}} \times 100 - 40 \right]$$

### 3. Tiêu chí diện tích đất phát triển hạ tầng trong năm kế hoạch: **C** (điểm)

Tiêu chí này đánh giá mức độ sử dụng đất phát triển hạ tầng khu kinh tế ven biển trong năm kế hoạch dựa trên so sánh với diện tích cơ sở quy mô 25 ha tương ứng 10 điểm, được xác định theo công thức sau:

$$C = 10 \times \frac{\text{Diện tích đất phát triển hạ tầng (ha)}}{25 \text{ (ha)}}$$

Diện tích đất phát triển hạ tầng là tổng diện tích đất của các công trình giao thông, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật của khu kinh tế ven biển được dự kiến đầu tư xây dựng trong năm kế hoạch (không bao gồm diện tích đất của các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng).

### 4. Tiêu chí mức độ nộp ngân sách của khu kinh tế ven biển: **D** (điểm)

Tiêu chí này đánh giá mức độ nộp ngân sách của khu kinh tế ven biển dựa trên so sánh với mức đóng góp cơ sở 100 tỷ đồng tương ứng là 05 điểm, được xác định theo công thức sau:

$$D = 5 \times \frac{\text{Tổng thu ngân sách trên địa bàn khu kinh tế ven biển (tỷ đồng)}}{100 \text{ (tỷ đồng)}}$$

Tổng thu ngân sách trên địa bàn khu kinh tế ven biển là tổng số các khoản thu về thuế (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu) và các khoản thu hợp pháp khác trên địa bàn khu kinh tế ven biển nộp vào Kho bạc Nhà nước của năm trước năm kế hoạch.

### 5. Tiêu chí bổ sung:

a) Tiêu chí mức độ bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư có quy mô lớn trong khu kinh tế ven biển: **Đ** (điểm).

Tiêu chí này được xác định dựa trên so sánh tổng diện tích đất sử dụng của các dự án quy mô lớn với dự án cơ sở quy mô diện tích 150 ha tương ứng 10 điểm, được xác định theo công thức sau:

$$Đ = 10 \times \frac{\text{Tổng diện tích đất sử dụng của các dự án quy mô lớn (ha)}}{150 \text{ (ha)}}$$

Tổng diện tích đất sử dụng của các dự án quy mô lớn là tổng diện tích bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư quy mô lớn trong khu kinh tế ven biển đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư (chỉ áp dụng đối với dự án đang triển khai và thời gian thực hiện dự án không quá 2 năm).

b) Tiêu chí mức độ ưu tiên phát triển của khu kinh tế ven biển: **E** (điểm).

Tiêu chí này được xác định như sau:

- Khu kinh tế ven biển được ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ: **E** = 10 (mười) điểm;

- Khu kinh tế ven biển còn lại: **E** = 0 (không) điểm

Số liệu để xác định điểm các tiêu chí trên là số liệu của năm trước năm kế hoạch.

6. Tổng số điểm của một khu kinh tế ven biển: **K** (điểm)

$$K = A + B + C + D + Đ + E$$

Việc làm tròn tổng số điểm thực hiện theo nguyên tắc phần điểm lẻ từ 0,5 trở lên được làm tròn là 01 điểm.

## **II. Xác định vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho một khu kinh tế ven biển**

Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ của năm kế hoạch đối với từng khu kinh tế ven biển được xác định theo công thức sau:

$$V_i = \frac{V}{\sum_{i=1}^n K_i} \times K_i$$

Trong đó :

- **V<sub>i</sub>** là số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, tính theo đơn vị tỷ đồng, của năm kế hoạch đối với khu kinh tế ven biển **i**;

- **V** là tổng số vốn ngân sách trung ương, tính theo đơn vị tỷ đồng, của năm kế hoạch để hỗ trợ đầu tư trong cân đối đối với tất cả các địa phương có khu kinh tế ven biển;

- **K<sub>i</sub>** là tổng số điểm của khu kinh tế ven biển **i** được xác định theo quy định tại mục I;

- **n** là số khu kinh tế ven biển đã được thành lập đến thời điểm lập kế hoạch năm./.